

Bản án số: 462/2020/DS-PT  
Ngày: 23 - 9 - 2020  
V/v: Tranh chấp xin chia tài sản  
chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Vân

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Nguyễn Văn Tửu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc: “Tranh chấp xin chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2364/2020/QĐPT ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1929 (chết ngày 08/8/2016)

Địa chỉ: Số 173 V, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bà Trần Thị N:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1937, địa chỉ: 5154 Guild wood Way Mississauga Ontario, Canada L5R 2T4.

*Người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị B:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1965, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1977 P, Phường 6, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Địa chỉ liên hệ: 65 đường 12 Khu dân cư B, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2019).

*Bị đơn:* Ông Triệu Hải Đ, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 171 V, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Lê Minh T – Công ty luật TNHH A.B.C- thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lâm Thị Ngọc A, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: Số 171 V, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Triệu Xuân L, sinh năm 1951

- Bà Triệu Xuân C, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: Số 169 đường V, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Triệu Xuân L: ông Triệu Hải Đ, sinh năm 1955, địa chỉ: số 171 V, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2019)

- Bà Triệu Xuân H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 4 L, Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Triệu Hải T, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp Lê Văn Q, xã Tập Ngãi, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bà Trang Mỹ N, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Trang Thế T, sinh năm 1965

- Ông Trang Thế L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp Xóm V, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bà Trang Mỹ D, sinh năm 1973

- Ông Trang Thế S, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp Đại M, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Ông Trang Thế C, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp X, xã Ngãi X, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1937

Địa chỉ: 5154 Guild wood Way Mississauga Ontario, Canada L5R 2T4.

*Người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị B:* Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1937

*Người kháng cáo:* Người kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2016 của Bà Trần Thị N và lời khai Ông Nguyễn Đình Th là người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị B trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 63,6m<sup>2</sup>, thửa 73, tờ bản đồ số 20, tọa

lạc tại khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là tài sản chung của ông Trần Th (cha bà N, chết năm 1977) và bà Trần Thị C (bà C là em của ông Trần Th là bà ngoại của ông Triệu Hải Đ) được chia theo bản án sơ thẩm số 08/DS - ST ngày 03/8/1987 của Tòa án nhân dân Cửu Long và bản án phúc thẩm số 82/DS - PT ngày 17/11/1987 của Tòa án nhân dân tối cao.

Ông Trần Th có 04 người con là Trần Thị M (tên gọi khác là Trần Thị T) (chết), Bà Trần Thị N (chết), bà Trần Thị S (chết), bà Trần Thị B đang định cư ở Canada. Do 02 bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Cửu Long và Tòa án nhân dân tối cao; chỉ tuyên theo phòng mà không tuyên rõ phần đất mà ông Trần Th, bà Trần Thị C được hưởng nên các con của ông Trần Th và các con của bà C đều cho rằng họ đều được hưởng ở phần đất phía dưới.

Do ông Trần Th (chết) nên Bà Trần Thị N là con ông Thành khởi kiện yêu cầu chia 1/2 diện tích đất 63,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện nay do ông Triệu Hải Đ đang quản lý sử dụng đất.

*Theo lời khai bị đơn ông Triệu Hải Đ trình bày:* Diện tích 63,6m<sup>2</sup>, thửa 73, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của ông cố của ông là cụ Trần L để lại và đã được chia thừa kế vào năm 1987, từ năm 1987 đến nay gia đình ông đã được sử dụng hợp pháp và mẹ ruột của ông là bà Huỳnh Thị T đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004. Đến ngày 15/02/2016 bà T chết, các anh chị em của ông đã đồng thuận cho ông được đứng tên sở hữu toàn bộ thửa đất trên. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông chia diện tích 31,8m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích chung 63,6m<sup>2</sup>, thửa 73, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn T, huyện T ông không đồng ý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Xuân C, bà Triệu Xuân H, ông Triệu Hải T có cũng ý trình bày như ông Triệu Hải Đ:* các ông thống nhất giao toàn bộ thửa đất đang tranh chấp cho ông Triệu Hải Đ quản lý sử dụng không tranh chấp về thừa kế với ông Đ, yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:***

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 3 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 02/2004/NQHĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị N và yêu cầu của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng là bà Trần Thị B về việc yêu cầu chia 1/2

diện tích 63,6m<sup>2</sup>, thửa 73, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Triệu Hải Đ được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 63,6m<sup>2</sup>, thửa 73, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2019 bà Trần Thị B kháng cáo toàn bộ bản án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu chia ½ diện tích 63.6m<sup>2</sup> thuộc thửa 73, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện nay do ông Triệu Hải Đ đang quản lý sử dụng.

*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:* Về hình thức đơn kháng cáo của các đương sự lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Bản án sơ thẩm không xác định phần đất của bà N, bà B ở đâu. Bản án đã có hiệu lực pháp luật đã chia cho các bên theo phòng tuy nhiên hiện nay phòng của ông Th đã hư hỏng không sử dụng được phòng đã nhận; phần đất phía dưới của ông Đ thì đã được cấp GCNQSDĐ. Tại phiên tòa hai bên đều thừa nhận chia các phòng theo sơ đồ nhưng diện tích như thế nào để phân chia lại trong khi thực tế có phòng đã hư hỏng không còn tồn tại thì chưa xác định đo vẽ để tính toán đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Do đó, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người kế quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định theo đúng quy định tại Điều 26, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Các đương sự khai thống nhất với nhau: Nguồn gốc 63,6m<sup>2</sup> là một phần của diện tích 05 căn nhà của ông Trần L chết để lại cho ba người con thừa kế là ông Trần Th, ông Trần H và bà Trần Thị C.

Ông Trần Th (chết năm 1977) và bà Lê Thị C (chết 1945) có 05 người con: một chết lúc nhỏ, Trần Thị M (tên gọi khác T) (chết năm 2013), Trần Thị N (chết năm 2016), Trần Thị S (chết năm 2013) và Trần Thị B, Bà Trần Thị C

(chết 1987) có ba người con Huỳnh D, Huỳnh Thị C và bà Huỳnh Thị T (mẹ ông Triệu Hải Đ).

Theo Bản án số 82/DS-PT ngày 17/11/1987 của Tòa án nhân dân tối cao xử vụ án “Tranh chấp thừa kế” giữa nguyên đơn Trần Thị S và bị đơn Huỳnh Thị T. Tòa án xử bác yêu cầu của bà Sáu đòi căn phòng bà Huỳnh Thị Tư đang ở. Ông Trần Th được quyền sở hữu 3 phòng, bà Trần Thị C được sở hữu 3 phòng, ông Trần H sở hữu 3 phòng và một phòng thờ cúng như hiện các đương sự đang quản lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thừa nhận sau khi bản án 82/DS-PT ngày 17/11/1987 của Tòa án nhân dân tối cao có hiệu lực pháp luật các bên xác nhận đã tự chia cho nhau cụ thể có 5 căn liền kề ông Trần H được 2 căn là căn 1,2, bà C căn 3, ông Th căn 4, riêng căn 5 thì phần trên lầu giao cho ông Trần Th, phần dưới lầu của bà Huỳnh Thị T là con bà C nay để lại cho cháu là ông Triệu Hải Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 63.6m<sup>2</sup> là phần đất đang tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xuất trình thêm sơ đồ tự phân chia trong anh em và được các bên thừa nhận sơ đồ là đúng hiện trạng.

Do chưa có sơ đồ phân chia cụ thể nên khi giải quyết tòa án án sơ thẩm chưa xác định phần đất của bà N, bà B ở đâu; ông Th, bà T ở trên hay dưới thì đều là tài sản chung của ông Th, bà T. Bản án đã có hiệu lực pháp luật đã chia cho các bên theo phòng tuy nhiên hiện nay phòng của ông Thành đã hư hỏng không sử dụng được; phần phía dưới của ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa hai bên đều thừa nhận chia các phòng theo sơ đồ nhưng diện tích như thế nào để phân chia lại trong khi thực tế có phòng đã hư hỏng không còn tồn tại thì chưa xác định đo vẽ để tính toán cho các bên.

Do đó để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xuất trình bản vẽ sơ đồ là tình tiết mới để xem xét hủy bản án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị B không phải chịu án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị B.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 40/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh

Chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo thủ tục chung.

## 2. Án phí:

Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị B không phải chịu án phí.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Trà Vinh; (1)
- VKSND tỉnh Trà Vinh; (1)
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh; (1)
- Đương sự (4)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 17b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Huyền Vân**